

Trường THCS Hành Tín Tây
Tổ Khoa học xã hội

HỌ VÀ TÊN GIÁO VIÊN
Lê Thị Thanh Thuyền

KẾ HOẠCH BÀI DẠY
BÀI 2: THỜI GIAN TRONG LỊCH SỬ
(Thời lượng: 01 tiết)

Ngày soạn: 14/9/2024.

Tiết PPCT: 3.

Tuần: 3.

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Thông qua bài học, HS nắm được:

- Biết được một số khái niệm và cách tính thời gian trong lịch sử: thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, sau Công nguyên, âm lịch, dương lịch,...

*** Đối với HS khuyết tật:**

- Biết được một số khái niệm và cách tính thời gian trong lịch sử: thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, sau Công nguyên, âm lịch, dương lịch,...

2. Năng lực:

- Năng lực chung:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Năng lực riêng:

- Nêu được một số khái niệm về thời gian trong lịch sử như thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, Công nguyên, âm lịch, dương lịch.
- Hiểu cách tính thời gian theo quy ước chung của thế giới.
- Biết đọc, ghi, và tính thời gian theo quy ước chung của thế giới.
- Sắp xếp các sự kiện lịch sử theo trình tự thời gian.

3. Phẩm chất :

- Tính chính xác, khoa học trong học tập và trong cuộc sống.
- Biết quý trọng thời gian, biết sắp xếp thời gian một cách hợp lí, khoa học cho cuộc sống, sinh hoạt của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SHS Lịch sử và Địa lí 6.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SHS Lịch sử và Địa lí 6.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chia HS thành các nhóm, yêu cầu HS thảo luận và trả lời câu hỏi sau:

+ Em hãy cho biết hôm nay là thứ mấy, ngày, tháng năm nào? Vì sao em biết điều này?

+ Em hãy mở trang 36 và trang 89 của SHS và tính tuổi của xác ướp vua Tu-tan-kha-mun, tính năm Hai Bà Trưng khởi nghĩa đến thời điểm hiện tại.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:

+ Có thể biết hôm nay là thứ mấy, ngày tháng năm nào là do xem thông tin trong lịch treo tường.

+ HS có thể chưa biết tính tuổi của xác ướp vua Tutankhamun và năm Hai Bà Trưng khởi nghĩa do chưa hiểu được trước Công nguyên và sau Công nguyên là gì.

- GV dẫn dắt vấn đề: Các em có thể biết được hôm nay là thứ mấy, ngày tháng năm nào là do xem thông tin trên tờ lịch. Nhưng trên tờ lịch có ghi hai ngày khác nhau, ở góc phải tờ lịch còn ghi thêm như: ngày Quý Sửu, tháng Bính Thân, năm Tân Sửu,... Vì sao lại như vậy? Việc xác định thời gian, là một trong những yêu cầu bắt buộc của khoa học lịch sử. Từ xa xưa, người ta đã rất quan tâm và phát minh ra nhiều cách tính thời gian khác nhau: đồng hồ, lịch,... Tại sao lại có nhiều cách tính thời gian khác nhau? Để hiểu rõ hơn về vấn đề này, chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay - Bài 2: Thời gian trong lịch sử.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Âm lịch, dương lịch

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS hiểu được âm lịch là cách tính thời gian theo chu kỳ Mặt Trăng quay xung quanh Trái Đất; dương lịch là cách tính thời gian theo chu kỳ Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SHS, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

c. Sản phẩm học tập: HS làm việc cá nhân, thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi.

d. Tổ chức hoạt động:

<p>Bước 1: GV chuyển giao NV học tập</p> <p>- GV giới thiệu kiến thức: Người xưa tính thời gian bắt đầu từ sự phân biệt sáng - tối (ngày-đêm) trên cơ sở quan sát, tính toán quy luật di chuyển của Mặt Trăng, Mặt Trời từ Trái Đất và sáng tạo ra lịch.</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thông tin mục I SHS trang 15 và trả lời câu hỏi:</p> <p>+ Âm lịch là gì?</p> <p>+ Dương lịch là gì?</p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi: Câu đồng dao “Mười rằm trăng nấu, mười sáu trăng treo” thể hiện cách tính của người xưa theo âm lịch hay dương lịch?</p> <p>- GV yêu cầu HS quan sát Hình 2.2 và giới thiệu cho HS cách tính thời gian bằng đồng hồ mặt trời của người xưa: Người ta dùng một cái mâm tròn, trên có kẻ nhiều đường</p>	<p>1. Âm lịch, dương lịch</p> <p>- Âm lịch là cách tính thời gian theo chu kỳ Mặt Trăng quay xung quanh Trái Đất. Thời gian Mặt Trăng chuyển động hết một vòng quanh Trái Đất là một tháng.</p> <p>- Dương lịch là cách tính thời gian theo chu kỳ Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời. Thời gian Trái Đất chuyển động hết một vòng quanh Mặt Trời là một năm.</p> <p>- Ý nghĩa của hai câu đồng dao: từ ngày 10 trở đi, tính theo lịch âm, trăng bắt đầu tỏ (trăng nấu, nhìn rõ)</p>
---	--

<p>tròn đồng tâm, dùng một cái que gỗ cắm ở giữa mâm rồi để ra ngoài ánh nắng mặt trời. Bóng của cái que chỉ đến vạch vòng tròn nào đó là chỉ mấy giờ trong ngày.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu. - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS trả lời câu hỏi. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.</p>	<p>và ngày 16 là trăng tròn nhất (trăng treo). Hai câu đồng dao miêu tả Mặt Trăng từ ngày 10 đến ngày 16 mỗi tháng âm lịch.</p>
--	---

Hoạt động 2: Cách tính thời gian

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS hiểu được lịch chính thức của thế giới hiện nay dựa theo cách tính thời gian của dương lịch, gọi là công lịch; Công lịch lấy năm 1 là năm làm năm đầu tiên của Công nguyên. Trước năm đó là trước Công nguyên, sau năm đó là Công nguyên.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SHS, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

c. Sản phẩm học tập: HS làm việc cá nhân, thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao NV học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu kiến thức: + Lịch chính thức của thế giới hiện nay dựa theo cách tính thời gian của dương lịch, gọi là công lịch. + Hiện nay, ở Việt Nam, Công lịch được dùng chính thức trong văn bản của nhà nước, tuy nhiên, âm lịch vẫn được sử dụng rộng rãi trong nhân dân. - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: + Vì sao trên thế giới cần một thứ lịch chung? + Người Việt Nam hiện nay đón Tết Nguyên đán theo loại lịch nào? 	<p>2. Cách tính thời gian</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên thế giới cần một thứ lịch chung do xã hội loài người ngày càng phát triển, sự giao lưu giữa các nước, các dân tộc ngày càng được mở rộng, cần có nhu cầu thống nhất về cách tính thời gian. - Người Việt Nam hiện nay đón Tết Nguyên đán theo lịch âm. - Giải thích các khái niệm: + Công lịch lấy năm 1 là năm làm năm đầu tiên của Công nguyên. <ul style="list-style-type: none"> • Trước năm đó là trước Công nguyên (Năm 179 TCN, năm 111 TCN)



- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, quan sát Sơ đồ 2.4 SHS trang 16 và trả lời câu hỏi: Em hãy giải thích các khái niệm trước Công nguyên, Công nguyên, thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ.



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.
- GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV gọi HS trả lời câu hỏi.
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Sau năm đó là Công nguyên (Năm 544 CN, năm 938 CN).
+ Một thập kỉ là 10 năm. Một thế kỉ là 100 năm (Năm 544 là thế kỉ VI Công nguyên). Một thiên niên kỉ là 1000 năm (từ năm 1 đến năm 938 là gần 1 thiên niên kỉ).

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi lý thuyết.

b. Nội dung: HS sử dụng SHS, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1 phần Luyện tập SHS trang 16: Dựa vào Hình 2.4, em hãy xác định từ thời điểm xảy ra các sự kiện ghi trên sơ đồ đến hiện tại là bao nhiêu năm, bao nhiêu thập kỉ, bao nhiêu thế kỉ?



- HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:

- + Tính từ năm 179 TCN đến năm 2021 là: 2.200 năm, 220 thập kỉ, 22 thế kỉ.
- + Tính từ năm 111 TCN đến năm 2021 là: 2.132 năm, hơn 213 thập kỉ, hơn 21 thế kỉ.
- + Tính từ năm 1 đến năm 2021 là: 2021 năm, hơn 202 thập kỉ, hơn 20 thế kỉ.
- + Tính từ năm 544 đến năm 2021 là: 1477 năm, hơn 147 thập kỉ, hơn 14 thế kỉ.
- + Tính từ năm 938 đến năm 2021 là: 1083 năm, hơn 108 thập kỉ, hơn 10 thế kỉ.

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi thực hành.

b. Nội dung: HS sử dụng SHS, kiến thức đã học, kiến thức và hiểu biết thực tế, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS về nhà trả lời câu hỏi 2 và câu hỏi 3 phần Vận dụng SHS trang 16:

Câu 2: Hãy cho biết những ngày lễ quan trọng của nước Việt Nam: Giỗ tổ Hùng Vương, tết Nguyên đán, ngày Quốc khánh, ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước được tính theo loại lịch nào?

Câu 3: Quan sát Hình 2.3, theo em vì sao trên tờ lịch của chúng ta có ghi thêm ngày, tháng, năm âm lịch? Có nên chỉ ghi một loại lịch là dương lịch không?



- HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:

Câu 2:

- Những ngày lễ được tính theo loại lịch dương: ngày Quốc khánh, ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

- Những ngày lễ được tính theo loại lịch âm: Giỗ tổ Hùng Vương, tết Nguyên đán.

Câu 3: Theo em, trên tờ lịch không nên chỉ ghi một loại lịch là dương lịch, mà cần có ghi thêm ngày, tháng, năm âm lịch vì: việc dùng âm lịch khá phổ biến ở Việt Nam, liên quan đến văn hóa cổ truyền của dân tộc.

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

